

# **Khó khăn trong đời sống vợ chồng 5 năm đầu sau kết hôn giai đoạn 1976-1986 - Một số phát hiện qua khảo sát tại Thái Bình**

**Trần Thị Vân Nương, Bùi Thị Hương Trâm**

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hồi cố để thu thập các thông tin về đời sống vợ chồng những năm đầu sau kết hôn giai đoạn 1976-1986 khi nước ta hoàn toàn giải phóng. Kết quả cho thấy đa số các cặp vợ chồng phải đối mặt với những khó khăn về kinh tế để duy trì đời sống ổn định. Những giả định về mâu thuẫn trong lối sống do sự tái hợp sau khoảng thời gian dài xa cách vì chiến tranh, hoặc sự thích ứng do quá trình tìm hiểu trước hôn nhân khá ngắn đều không thể hiện rõ nét. Nhu cầu về kinh tế, cơm ăn, áo mặc bộc lộ vượt trội hơn nhu cầu chia sẻ tình cảm lứa đôi <sup>(1)</sup>.

**Từ khóa:** Hôn nhân; Gia đình; Quan hệ vợ chồng giai đoạn 1976-1986.

Ngày nhận bài: 6/9/2018; ngày chỉnh sửa: 15/10/2018; ngày duyệt đăng: 5/11/2018.

## **1. Đặt vấn đề**

Trên cơ sở dữ liệu định lượng và định tính từ khảo sát tại ba xã An Ninh, An Quý và An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về gia đình nông thôn

Bác Bộ giai đoạn 1976-1986 trong khuôn khổ hệ đề tài cấp cơ sở năm 2018 của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, bài viết luận giải về những khó khăn trong đời sống vợ chồng gia đình nông thôn những năm 1976-1986<sup>(1)</sup>.

Chủ đề khó khăn trong đời sống vợ chồng được lựa chọn để bàn luận bởi theo các nhà nghiên cứu về đời sống tâm lý- tình cảm vợ chồng, việc tìm kiếm những yếu tố giúp gìn giữ và phát huy sự bền vững gia đình, trong đó có cách thức vượt qua khó khăn, là những chỉ báo cần lưu ý. Nick Stinnett và các đồng nghiệp (1999) đã đưa ra sáu yếu tố quan trọng của gia đình hạnh phúc (strong families) bao gồm: sự cam kết, tình cảm, giao tiếp tích cực, thời gian dành cho nhau, đời sống tinh thần ổn định và khả năng đương đầu với những căng thẳng, khó khăn. Như vậy, nghiên cứu về khó khăn của gia đình và khả năng vượt qua nghịch cảnh trong bối cảnh đất nước những năm đầu sau giải phóng có thể nói là một chủ đề hấp dẫn đối với những nhà khoa học thời nay.

Các dữ liệu phân tích thu được từ phương pháp nghiên cứu hồi cố, qua phỏng vấn bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu những đối tượng kết hôn từ năm 1976-1986 về đời sống tâm lý-tình cảm giữa vợ và chồng trong khoảng 5 năm đầu sau khi kết hôn. Để khắc phục hạn chế về việc tìm hiểu các sự kiện trong quá khứ, các thông tin muốn thu thập trong tất cả các câu hỏi đều có nhấn mạnh và nhắc lại thời điểm cần thu thập thông tin. Chẳng hạn: “Trong gia đình ông bà vào giai đoạn đó, hay vào những năm 1976-1986, hoặc trong 5 năm đầu sau khi cưới thì ...”, giúp người trả lời tập trung nhớ về giai đoạn đang được hỏi và không nhầm lẫn sang giai đoạn khác.

## 2. Vài nét về bối cảnh nghiên cứu

Với chiến thắng mùa Xuân 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi, mở ra kỷ nguyên cả nước độc lập, thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH). Tuy nhiên, công cuộc xây dựng CNXH là một nhiệm vụ hết sức khó khăn lại phải tiến hành trong điều kiện đất nước vừa trải qua những năm tháng chiến tranh liên miên nên càng nặng nề và gian nan hơn. Kinh tế miền Bắc chủ yếu vẫn là sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, cơ chế quản lý vốn nặng về tập trung quan liêu bao cấp, lại bị chi phối thêm bởi quy luật chiến tranh nên càng bị méo mó, phi kinh tế. Thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, không đảm bảo được nhu cầu tiêu dùng của xã hội trong khi dân số tăng nhanh. Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu. Đặc biệt, tại địa bàn tỉnh Thái Bình, chiến tranh đã làm xáo trộn và gây tổn thất lớn cho lực lượng lao động, để lại hậu quả rất nặng nề và kéo dài. Bên cạnh

đó, các yếu tố văn hóa truyền thống vẫn chi phối mạnh mẽ đến đời sống gia đình, nhất là quan hệ vợ chồng. Về cơ bản thiết chế gia đình trong xã hội truyền thống mang tính chất cứng nhắc, được tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác trong một xã hội nông nghiệp ít biến đổi. Như vậy, những ứng xử trong đời sống vợ chồng cũng tuân theo các khuôn mẫu hành vi, các giá trị, chuẩn mực được quy định và được tiêu chuẩn hóa bởi thiết chế gia đình. Quan hệ hôn nhân gia đình ở miền Bắc thời kỳ 1976-1986 chịu tác động từ hai phía trong tiến trình phát triển xã hội. Thứ nhất là sự tác động từ bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội do quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế và hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, việc ban hành chính sách hôn nhân gia đình và các biến động cơ học về mặt dân số - xã hội. Thứ hai là quá trình tái thiết đất nước, khôi phục lại những thương tổn sau chiến tranh. Những biến chuyển mạnh mẽ về chính trị, kinh tế và xã hội lúc bấy giờ đã tác động đến đời sống gia đình, trong đó có mối quan hệ tâm lý - tình cảm vợ chồng. Nhìn chung, điểm nổi bật của đời sống gia đình thời kỳ này là việc xây dựng và phát triển gia đình sau thời gian chiến tranh trong bối cảnh khó khăn của đời sống kinh tế và sức khỏe con người. Cùng với đó là sự tái hợp của nhiều cặp vợ chồng sau khi chiến tranh kết thúc (Lịch sử Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ, 2009).

Như vậy câu hỏi đặt ra là, trong bối cảnh sau chiến tranh, các cặp vợ chồng đối mặt với những khó khăn nào? Những yếu tố nào tác động đến quá trình duy trì tình cảm vợ chồng và vượt qua khó khăn trong gia đình giai đoạn đó?

### 3. Các phát hiện chính

Trong thực tế, mối quan hệ vợ chồng thường chứa đựng đan xen cả yếu tố gắn kết và chia rẽ, cả thuận lợi và khó khăn. Gắn kết thường kèm theo thuận lợi và chia rẽ thường đi cùng khó khăn. Điều này hiển nhiên như bản chất của cuộc sống luôn bị phân tách thành hai mặt như yêu và ghét, sống và chết, trẻ và già, ngày và đêm... Tuy nhiên, sự gắn kết không phải lúc nào và trường hợp nào cũng chứa đựng yếu tố thuận lợi mà đôi khi nó đi kèm với khó khăn. Con người thường xuyên trải nghiệm trạng thái mâu thuẫn này nhưng thường không ý thức được những sắc thái tinh tế của nó. Và nói như một tác giả thì “đó là hai mặt của vấn đề, như hai mặt của một đồng xu. Nếu bạn đang ở phía bên này, hẳn là mặt bên kia đang ẩn náu và chờ cơ hội để xuất hiện” (Osho, 2004:20). Chính vì thế, khi đề cập tới sự gắn kết, sẽ là không đầy đủ nếu không tính đến những khó khăn. Khó khăn có thể là nhân tố tích cực giúp vợ chồng phát hiện và tăng cường kỹ năng giải quyết vấn đề. Khi khó khăn được giải quyết theo tính xây dựng, cả vợ và chồng sẽ tự thấy mình được củng cố kinh nghiệm và có thể chuẩn bị

cho những thử thách tiếp theo của cuộc sống. Và khi đã vượt qua được khó khăn thì sự gắn kết vợ chồng sẽ thêm bền vững.

Ở nghiên cứu này, khó khăn trong cuộc sống vợ chồng được khai thác ở điểm thời gian tham chiếu là năm năm đầu sau kết hôn. Năm năm đầu sau kết hôn thường là thời điểm thử thách tính bền vững của mối quan hệ vợ chồng. Đây là khoảng thời gian vừa đủ để nhận rõ những ưu điểm và hạn chế của người bạn đời. Những vấn đề khác của cuộc sống cũng lần lượt xuất hiện như vấn đề tài chính, sinh con, nuôi dạy con, công việc, họ hàng, gia đình nội ngoại... Nếu hai vợ chồng cùng nhau vượt qua được giai đoạn năm năm đầu thì sự gắn kết vợ chồng sẽ tương đối bền chặt. Khi những khó khăn trong năm năm đầu được giải quyết thì theo chiều dài hôn nhân, sự ảnh hưởng của khó khăn đến đời sống vợ chồng sẽ càng giảm bớt.

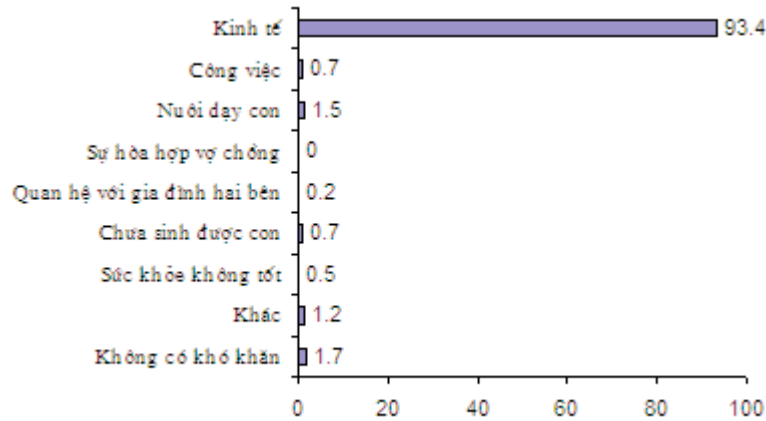
Tác giả Mai Huy Bích nhấn mạnh, năm năm đầu của hôn nhân được coi là giai đoạn thành lập trong quá trình phát triển gia đình. Theo đó, trước hết trong quan hệ vợ chồng, đây là giai đoạn cần có những điều chỉnh. Rất lâu trước khi gặp bạn đời tương lai, họ thường đã có những hình ảnh lý tưởng về hôn nhân, nên bây giờ họ phải điều chỉnh những quan niệm có trước đó cho phù hợp với nhân cách bạn đời và hoàn cảnh hôn nhân của họ. Sự điều chỉnh thứ hai là trong quan hệ của vợ chồng với bên ngoài như bố mẹ hai bên, họ hàng, hàng xóm. Khi đó, họ phải chuyển sự gắn bó với gia đình gốc sang gia đình riêng mới thành lập, đồng thời dần xếp các mối quan hệ xung quanh một cách hợp lý nhất. Trong xã hội truyền thống, giai đoạn mở rộng của gia đình- nghĩa là giai đoạn cặp vợ chồng sinh thêm con cái - cách giai đoạn thành lập một khoảng thời gian rất ngắn. Khi đó, các cặp vợ chồng thường có xu hướng gặp nhiều khó khăn do sự ra đời của những đứa con và nhu cầu phải làm việc, kiếm thu nhập để duy trì đời sống gia đình (Mai Huy Bích, 2011:88).

Như vậy, đời sống hôn nhân 5 năm đầu trước hết phải đối mặt với những khó khăn nảy sinh từ tự thân của mối quan hệ vợ chồng mới được thiết lập và những biến đổi của nó. Thêm nữa, trong giai đoạn lịch sử 1976-1986, như đã phân tích ở trên là giai đoạn tái thiết xây dựng đất nước, giả thuyết đặt ra ở đây là các cặp vợ chồng giai đoạn này sẽ phải trải qua những “khó khăn kép”. Theo đó, qua phương pháp thu thập dữ liệu định tính, nhóm tác giả đi sâu vào tìm hiểu những vấn đề được xem là khó khăn của đời sống vợ chồng trẻ trong quá trình xây dựng lại gia đình và đất nước sau chiến tranh.

### **3.1. Giai đoạn 1976-1980**

#### *Những khó khăn về đời sống vật chất*

Kết quả nghiên cứu cho thấy đại đa số ý kiến lựa chọn khó khăn nhất

**Biểu 1. Khó khăn trong 5 năm đầu sau kết hôn (%)**

trong năm năm đầu sau kết hôn vào giai đoạn 1976-1986 là khó khăn về kinh tế (93,4%). Các khó khăn khác như công việc, nuôi dạy con cái, quan hệ với gia đình hai bên, sinh con, sức khỏe... chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (dưới 2%) (Biểu 1).

Tại sao các gia đình lại cùng có chung khó khăn lớn nhất là kinh tế? Phân tích bối cảnh xã hội thời bấy giờ cho thấy giai đoạn 1976-1986 là giai đoạn cả nước bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong 10 năm đầu sau khi thống nhất đất nước. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, giai đoạn 1976-1986 là giai đoạn khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài, “lạm phát có lúc lên đến 700% vào năm 1986” (Nguyễn Duy Quý, 2017). Điều này tác động rất lớn tới đời sống của người dân. Một số bài về về thời bao cấp gây cười với thế hệ trẻ bây giờ nhưng lại là những mảnh ghép ký ức về hai từ “bao cấp” in đậm trong tâm trí những người từng trải qua thời kỳ này:

“Một yêu anh có may ô

Hai yêu anh có cá khô để dành

Ba yêu rửa mặt bằng khăn

Bốn yêu anh có cái quần đùi hoa...”

(Bài ca Mười yêu cho anh nhà nghèo)

Tài liệu “Lịch sử Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ” (2009) mô tả rõ, hàng hóa trong giai đoạn này được nhà nước phân phối theo chế độ tem phiếu, không được mua bán hay vận chuyển tự do trên thị trường, từ địa phương này sang địa phương khác. Lương thực, thực phẩm cấp theo đầu người.

Cán bộ nhà nước được cấp sổ để mua một lượng gạo nhất định trong một tháng. Còn với những nông dân bình thường, cả gia đình tham gia lao động cho hợp tác xã cũng không đủ thóc để ăn. Ngoài thời gian đi làm công điểm, đa số người dân phải làm lụng kiếm thêm. Nhà nghiên cứu Đặng Phong (2009) nhấn mạnh, vào thời bao cấp, ở khắp mọi nơi, những chợ nông thôn, hàng vỉa hè, quán xá, những luồng buôn bán tiểu ngạch đã có tác dụng như những chiếc phao bảo hiểm khi khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa không đảm bảo đủ cho sản xuất và đời sống (Đặng Phong, 2009). Khi đó, các cặp vợ chồng vừa phải duy trì hoạt động của hợp tác xã để được hưởng các lợi ích của nhà nước, nhưng nhiều gia đình cũng đồng thời tìm kiếm thu nhập từ các hoạt động khác.

Phỏng vấn sâu của đề tài cũng ghi nhận được các ký ức của người dân về một thời kỳ nghèo khổ, vất vả của kinh tế hợp tác xã, đi làm tính điểm để quy ra gạo.

“Thời đấy khổ lắm. Hợp tác xã giao thi làm chấm điểm. Cứ đi làm mà ăn thôi. Cứ ngày bơ gạo, hai bơ gạo để sống. Sống qua ngày. Thời gian đấy cả làng mà. Xưa chưa có ruộng. Đói lắm” (PVS nam, sinh năm 1944, nông nghiệp).

“Ban ngày thì đi làm cho hợp tác xã đến tối muộn mới về mài móng [nhanh chông] ăn vội bát cơm rồi lại quay ra xay lúa giã gạo. Cái thời đó khổ lắm làm gì có thời gian mà tâm sự hay đi chơi bời gì đâu. Nhà tôi thì bà già còn làm hàng xáo nên là suốt ngày phải xay lúa giã gạo vất vả lắm. Cứ đong thóc rồi là xay gạo bán suốt ngày xay với giã thôi” (Thảo luận nhóm nam nữ, kết hôn giai đoạn 1976-1985).

Như vậy, những khó khăn cơ bản thời kỳ này tập trung chủ yếu ở việc phát triển kinh tế và ổn định gia đình. Nguồn thu nhập thấp và hoàn cảnh con nhỏ là các yếu tố tác động chính tạo nên những khó khăn cho cuộc sống hôn nhân của các cặp vợ chồng trẻ.

### **3.2. Giai đoạn 1981-1986: Các vấn đề mới của gia đình**

Sau giải phóng, sự chuyển biến rất tinh tế trong trạng thái cảm xúc của các cặp vợ chồng đó là tâm lý “khởi đầu mới”. Dường như mỗi người vợ và người chồng đều chấp nhận những khó khăn đang đặt ra trong bối cảnh tái lập gia đình và xã hội. Điểm nổi bật là, giai đoạn 10 năm trước trong bối cảnh chiến tranh thì người ta chấp nhận những khó khăn do chiến tranh tạo nên. Giai đoạn hòa bình lập lại thì người ta chấp nhận những khó khăn để bảo vệ nền hòa bình. Xây dựng gia đình, vượt qua những khó khăn nội tại của đời sống gia đình trẻ được xếp sau việc vượt qua những khó khăn trong bối cảnh xã hội mới. Các thông tin thu được từ phỏng vấn sâu cho thấy những điểm hết sức thú vị khi người dân miêu tả về đời sống gia đình thời điểm đó. Cụm từ được lặp lại rất nhiều lần là “khó khăn

chồng chất khó khăn”. Nhất là với những gia đình nông nghiệp thuần túy và đông con.

“Cái thời đó thì gia đình tôi thì khó khăn chồng chất khó khăn cháu ạ, hồi đó không có sữa như bây giờ lắm khi còn phải đổ nước cháo cho con đỡ đói ấy cháu. Đủ mọi thứ thiếu thốn mà lúc đó bố mẹ cũng chỉ biết lo cho các con về sống với nhau thôi còn nếu mà muốn có một nếp nhà riêng thì hai vợ chồng phải tính toán làm ăn khó khăn lắm.

Nói chung là hồi đó hầu hết là nhà nào cũng có con thơ nên là bận mãi con thơ nên nó cũng ảnh hưởng nhiều đến kinh tế mình không có thời gian mà mình đi kiếm tiền được chỉ có các ông đàn ông thì là còn đi làm để lấy công điểm của hợp tác xã” (Thảo luận nhóm nam nữ, kết hôn giai đoạn 1976-1985).

Vai trò của người phụ nữ được phát huy mạnh mẽ ở các gia đình người chồng đi bộ đội:

“Đến năm 82 gọi là nổi trội nhất thì là mình xây được cái nhà bốn gian thì coi như là nổi trội nhất thôi chứ không có hơn được ai ở trong làng đâu mà là nhất trong cuộc đời của mình ấy. Ở nhà đàn bà nó (vợ) tần tảo chợ búa thì còn có chút tở đi bộ đội về coi như là tở trắng tay luôn chứ làm gì có cái gì đâu” (PVS, nam, sinh năm 1958, bộ đội).

Khó khăn kinh tế của các gia đình sẽ thêm phần gánh nặng nếu sinh con thứ ba trở lên vì sẽ bị phạt theo quy định của chính sách dân số<sup>(2)</sup> thời bấy giờ. Sau ngày thống nhất đất nước, dân số cả nước xấp xỉ 48 triệu người, tăng gần gấp đôi so với năm 1955 (Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông, 2011). Lần đầu tiên, các chỉ tiêu về dân số được đưa vào nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Chính phủ đã ban hành một số văn bản nhằm đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Nhiều địa phương sử dụng hệ thống “thưởng - phạt” bằng tiền và hiện vật đối với cá nhân và tập thể, căn cứ vào kết quả thực hiện mục tiêu dân số của họ (Nguyễn Đình Cử, 1990). Với các gia đình ở nông thôn, việc bị phạt thóc do sinh con thứ ba là cả một lo toan. Nếu sinh con thứ ba sẽ bị phạt 30kg thóc trong khi số lượng gạo được cấp theo diện lao động đối với nông dân là 11-15kg/tháng (Phan Cẩm Thượng, 2014).

“Tôi sinh được ba cháu, hai thằng con trai, một đứa con gái. Có tí cháu (con gái thứ ba) mà nó (xã) phạt 30 cân thóc đấy. Thôi không dám đẻ nữa đấy. Được đứa con gái là thôi”(PVS nam, sinh năm 1944, nông nghiệp).

Thêm vào đó, cơ chế sản xuất hợp tác xã bộc lộ nhiều hạn chế yếu kém, khiến đời sống của đa số người dân hoạt động nông nghiệp càng gặp nhiều khó khăn. Sự khó khăn này mang những đặc trưng rất cơ bản mà chỉ đời sống gia đình giai đoạn này mới có cũng kéo theo những mâu thuẫn mới

nảy sinh trong đời sống gia đình mà chủ yếu là liên quan đến việc làm ăn, sản xuất. Kết quả khảo sát định tính cho thấy, trong nhiều trường hợp, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ sự khác biệt về quan điểm giữa người vợ và người chồng. Một số người không chấp nhận quan điểm người vợ hoặc chồng mình bỏ hợp tác xã để đi làm ăn buôn bán bên ngoài mặc dù hiểu rất rõ việc buôn bán bên ngoài sẽ mang lại lợi ích kinh tế, đảm bảo đời sống cho cả gia đình. Áp lực từ dư luận xã hội và luật lệ chính quyền khiến nhiều gia đình nảy sinh mâu thuẫn từ các quyết định của vợ/chồng. Bên cạnh việc sản xuất tự cung, tự cấp trên chính mảnh vườn, mảnh ruộng 5% hoặc ruộng họ của gia đình, nhiều người thậm chí còn làm các công việc được xem là bị cấm thời kỳ đó, chẳng hạn nấu rượu. Trong nhiều trường hợp, quyết định mở rộng việc sản xuất hoặc “đi buôn” xuất phát từ phía người phụ nữ nhiều hơn.

“Bà ấy chịu khó dậy từ hai ba giờ đêm sang tận Vĩnh Bảo mua ngô về rồi bán lại ở các chợ. Bà ấy có sức khỏe, tôi thì yếu hơn nên chỉ quanh quẩn vườn tược ở nhà. Cũng có khi mâu thuẫn chứ, nhưng ý bà ấy đã quyết mình không làm được thì cũng chẳng cần. Nhà đông con, không làm thế không có cái ăn” (PVS, nam, sinh năm 1958, bộ đội mất sức).

Bên cạnh đó là khó khăn trong việc chăm sóc trẻ nhỏ, nhiều gia đình đông con thường không có người hỗ trợ:

“Ông hay bà thì cũng còn phải đi làm cho hợp tác xã chứ vì họ chấm công điểm mà, mà cháu tính nếu mà công điểm được loại A thì mới được có 8 lạng thóc 1 ngày mà già ra nữa thì được bao nhiêu nên là cũng không có dám gửi ông bà” (Thảo luận nhóm nam nữ, kết hôn giai đoạn 1976-1985).

Do vậy, mâu thuẫn vợ chồng thường xảy ra liên quan đến việc chia sẻ gánh nặng chăm sóc con cái khi con nhỏ và nhà đông con:

“Lắm khi là con thơ nó hấp sốt rồi là nó quấy khóc thì cũng bực trong người rồi là chồng cứ ngủ không đỡ mình thì nhiều khi nó cũng nóng trong người (...) lúc đó thì không thể tránh được to tiếng với nhau, xong rồi thì cũng thôi, sau thì người ta trấn tĩnh thì mình cũng nói cho người ta hiểu thôi” (Thảo luận nhóm nam nữ, kết hôn giai đoạn 1976-1985).

Trong bối cảnh kinh tế thiếu thốn, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm và môi trường bất ổn, con người hướng đến thỏa mãn những nhu cầu cơ bản nhất như đảm bảo đủ ăn, đủ mặc, khỏe mạnh và được an toàn. Cũng vì vậy, sự quan tâm dường như có giá trị nhất trong đời sống tình cảm gia đình, thậm chí là giữa vợ và chồng là sự quan tâm về sức khỏe và việc chăm sóc về ăn uống (Trần Thị Vân Nương, 2017). Người chồng thể hiện tình cảm với vợ và trách nhiệm với gia đình qua việc gánh vác các công việc nặng cho vợ như trực lúa, mang vác đồ đạc, gánh phân, thậm chí



không ngại chăm lo việc nấu nướng lợn gà, con cái khi người vợ đi làm về muộn.

“Trong gia đình có việc gì là hai vợ chồng làm chung, chứ cái thời đó lấy đâu ra người giúp việc như bây giờ. Ví dụ chồng ở ngoài đồng về mà ở nhà con nó ốm nó quấy khóc thì là chồng lại đi nấu cơm, hoặc là chưa giặt giũ được quần áo thì chồng cũng phải giặt giũ. Lắm khi đêm hôm con nó nóng nẩy nó quấy là hai vợ chồng thay nhau bế ấy chứ, hôm sau lại dậy sớm ra đồng chứ biết làm sao được. Cái thời đó thì cả xã hội khổ chung ấy chứ” (Thảo luận nhóm nam nữ, kết hôn giai đoạn 1976-1985).

Mục tiêu đảm bảo đời sống vật chất cho gia đình và các con đã khiến những người đàn ông vượt qua các khuôn mẫu truyền thống về vai trò của nam giới trong gia đình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự tương đồng về đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh sống là những yếu tố tác động tạo nên sự gắn kết và động lực vượt qua khó khăn của các cặp vợ chồng qua nghiên cứu này. Kết quả khảo sát tại Thái Bình cho thấy sự tương đồng giữa người vợ và người chồng về tôn giáo, học vấn, hoàn cảnh kinh tế lần lượt là 99,5%; 81,9% và 98,8%. Phạm vi kết hôn chủ yếu là ở cùng thôn (41,1%) và cùng xã (21,9%) cũng tạo nên sự thân thuộc gắn bó giữa cá nhân người vợ/chồng và gia đình của họ. Như vậy, sự thân thuộc và tương đồng về lối sống, sự nhường nhịn, hi sinh của cả người vợ và người chồng cùng với sự hỗ trợ của bố mẹ hai bên được xem là những yếu tố cơ bản nhất giúp các cặp vợ chồng giai đoạn này vượt qua khó khăn để xây dựng gia đình trong thời kỳ mới.

#### 4. Kết luận

Như vậy, trong bối cảnh kinh tế thiếu thốn và khó khăn sau chiến tranh, con người hướng đến thỏa mãn những nhu cầu cơ bản nhất như đảm bảo đủ ăn, đủ mặc, khỏe mạnh và được an toàn. Khó khăn nổi bật nhất trong giai đoạn này là khó khăn về kinh tế, nên sự gắn kết rõ nét nhất giữa vợ và chồng là đồng thuận trong làm ăn kinh tế để đảm bảo gia đình đủ ăn, đủ mặc. Cũng vì vậy sự quan tâm có giá trị trong đời sống tình cảm gia đình, thậm chí là giữa vợ và chồng là sự quan tâm về sức khỏe, việc chăm sóc về ăn uống và tinh thần hỗ trợ trong công việc gia đình và sản xuất. Sự chuyển biến trong trạng thái tâm lý tình cảm của các cặp vợ chồng đó là tâm lý “*khởi đầu mới*”, nghĩa là xây dựng gia đình trong bối cảnh xây dựng đất nước sau chiến tranh. Cảm nhận về sự bình yên và tinh thần hỗ trợ xây dựng cuộc sống mới giúp các cặp vợ chồng vượt qua khó khăn nảy sinh trong bối cảnh gia đình đông con, năng suất lao động thấp. Nếu trong giai đoạn trước (giai đoạn 1960-1975), sự gắn bó vợ chồng thể hiện qua sự gắn bó đối với lý tưởng chung của hòa bình và độc lập dân tộc trong

bối cảnh chiến tranh (Trần Thị Vân Nương, 2017) thì ở giai đoạn 1976-1986, khi đất nước chuyển mình vào công cuộc tái thiết, sự gắn bó lứa đôi đã mang những màu sắc khác biệt. Những tính toán cho cuộc sống riêng, nơi ở, phương thức làm ăn, bối cảnh gia đình đông con phần nào tạo nên những đặc điểm mới của cuộc sống hôn nhân. ■

### Chú thích

<sup>(1)</sup> Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp khoa học cơ sở “Đời sống tâm lý- tình cảm giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn miền Bắc giai đoạn 1976-1986” năm 2018 của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.

<sup>(2)</sup> Chính sách sinh đẻ kế hoạch khuyến khích các vợ chồng hạn chế sinh đẻ và chỉ nên có từ 1 đến 2 con, dừng lại ở mức 2 con trừ một số trường hợp đặc biệt như con bị dị tật, miễn núi... Chính sách này áp dụng với toàn bộ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và nam giới có vợ trong tuổi sinh đẻ, nhấn mạnh với công nhân viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang.

### Tài liệu trích dẫn

- Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ. 2009. *Lịch sử Đảng bộ huyện Quỳnh Phụ (1975-2005)*. Nxb. Lao động, Hà Nội
- Đặng Phong. 2009. *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975-1989- Nhật ký thời bao cấp*. Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- Mai Huy Bích. 2011. *Xã hội học gia đình*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
- Nguyễn Đình Cử. 1990. “Các biện pháp của chính sách dân số ở nước ta hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 2/1990.
- Nguyễn Duy Quý. 2017. *Công cuộc đổi mới – những thành tựu và bài học kinh nghiệm*. <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/sach-ve-cong-tac-dang/books-310520153565356/index-51052015351515676.html>. Cập nhật ngày 7/10/2017.
- Phan Cẩm Thượng. 2014. *Đời sống thời bao cấp: Phân phối và đồng lương*. Nxb. Văn hóa- Thông tin, Hà Nội.
- Stinnett, Dr. Nick and Nancy with Joe and Alice Beam. 1999. *Fantastic Families/6 Proven Steps to Building a Strong Family*. Howard Publishing Co., West Monroe, LA.
- Trần Thị Vân Nương. 2017. “Cách thức duy trì đời sống tình cảm vợ chồng trong gia đình nông thôn giai đoạn 1960-1975”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*. Số 2.
- Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông. 2011. *Giáo trình Chính sách dân số*. Tài liệu đào tạo sơ cấp dân số y tế.